

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH MÔI TRƯỜNG: THỰC TRẠNG TẠI VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thúy Vinh

Trường Đại học Lao động - Xã hội

vinhktdn.uls@gmail.com

Tóm tắt: Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 được Chính phủ ban hành thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong thực hiện phát triển bền vững thông qua các hành động thiết thực, cụ thể. Việt Nam chủ trương kết hợp hài hòa phát triển kinh tế bền vững và bảo vệ môi trường. Do đó, thông tin liên quan đến môi trường của các doanh nghiệp luôn được sự quan tâm của các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Thiết lập hệ thống kế toán môi trường nói chung và kế toán tài chính môi trường nói riêng của doanh nghiệp là một vấn đề cấp thiết hiện nay. Bài viết đưa ra tổng quan về kế toán tài chính môi trường và thực trạng kế toán tài chính môi trường tại Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp để thiết lập hệ thống kế toán môi trường nói chung và kế toán tài chính môi trường nói riêng tại Việt Nam.

Từ khóa: Kế toán môi trường, kế toán tài chính môi trường, kế toán xanh

ENVIRONMENTAL FINANCIAL ACCOUNTING: CURRENT SITUATION IN VIETNAM

Abstract: The Government of Vietnam has shown a firm dedication to sustainable development through the National Strategy on Green Growth for the period 2021-2030, vision 2050. This strategy emphasizes the importance of combining economic growth with environmental protection. As a result, information regarding the environmental impact of businesses is of great interest to both internal and external stakeholders. Currently, there is an urgent need to establish an environmental accounting system, specifically environmental financial accounting, for businesses. This article provides an overview of environmental financial accounting and the current state of its implementation in Vietnam. Thereby, the author proposes several solutions to establish a comprehensive environmental accounting system, including environmental financial accounting, in Vietnam.

Keywords: Environmental accounting, environmental financial accounting, green accounting

Mã bài báo: JHS - 185

Ngày nhận bài sửa: 01/02/2024

Ngày nhận bài: 03/01/2024

Ngày duyệt đăng: 20/03/2024

Ngày nhận phản biện: 18/01/2024

1. Đặt vấn đề

Phong trào bảo vệ môi trường giữa thế kỷ 20, phát triển mạnh mẽ vào những năm 1960 và 1970 đã thu hút sự chú ý đến tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt tài nguyên và các vấn đề môi trường khác. Điều này dẫn đến nhu cầu về việc tính toán chi phí và lợi ích của các hoạt động kinh tế đối với môi trường. Năm 2014, Liên hợp quốc đã triển khai chương trình ứng dụng “Hệ thống kế toán về kinh tế và môi trường” hay còn gọi là kế toán xanh. Kế toán xanh có thể được hiểu là một loại kế toán tính đến chi phí và lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội của hoạt động kinh doanh. Nó liên quan đến việc đo lường và báo cáo tác động của các hoạt động kinh tế đối với tài nguyên thiên nhiên và môi trường, bên cạnh các biện pháp tài chính truyền thống. Theo một số nghiên cứu, kế toán xanh được chia thành nhiều góc độ khác nhau, bao gồm 5 nội dung chính: Kế toán tài chính môi trường; kế toán quản trị môi trường; pháp luật về môi trường; tài chính môi trường; đạo đức và quan hệ với cộng đồng xã hội. Kế toán môi trường là một nội dung cụ thể của kế toán xanh nhằm cung cấp các thông tin quan trọng và cần thiết về chi phí, doanh thu có liên quan đến môi trường cho đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp để ra quyết định. Kế toán môi trường đã được áp dụng ở nhiều quốc gia có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Đức, Anh, Nhật, Hàn Quốc... Theo kinh nghiệm của các quốc gia này, việc áp dụng kế toán môi trường trong doanh nghiệp làm tăng chi phí về môi trường nhưng sẽ giúp doanh nghiệp gia tăng lợi ích từ những hoạt động bảo vệ môi trường như: Thu nhập về sản phẩm thân thiện với môi trường, tiết kiệm chi phí nguyên liệu, chi phí xử lý chất thải, chi phí bị xử phạt do gây ô nhiễm môi trường.

Trong những năm gần đây, Việt Nam cũng chú trọng hơn đến hoạt động bảo vệ môi trường như ban hành Luật thuế Bảo vệ môi trường năm 2010; Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 về đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường; Thông tư 52/2011/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 159/2012/TT-BTC quy định về các khoản thuế bảo vệ môi trường; Thông tư 66/2016/TT-BTC về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; Thông tư số 08/2017/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ môi trường năm 2024 (thay thế cho Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)... Tuy nhiên, kế toán xanh (hay kế toán môi

trường) chưa được quy định cụ thể trong chuẩn mực kế toán hiện hành hay chế độ kế toán hiện hành. Hiện nay, các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn đến thông tin môi trường của các doanh nghiệp. Vì vậy, ngày càng nhiều các doanh nghiệp tại Việt Nam thấy việc thiết lập một hệ thống kế toán xanh để ngăn chặn ô nhiễm hoặc thiệt hại môi trường là cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết

Hiện nay, có nhiều khái niệm khác nhau về kế toán môi trường (KTMT). Theo Ủy ban Bảo vệ môi trường của Mỹ (USEPA, 1995), KTMT là một trong những chiến lược để đánh giá khía cạnh môi trường trong phát triển bền vững. Những chiến lược này khác nhau về mức độ, khả năng so sánh giữa các chỉ số về năng lượng, nước, vật liệu và dòng chảy gây ô nhiễm. Theo Bộ Môi trường Nhật Bản (JMOE, 2005), KTMT với mục tiêu đạt được sự phát triển bền vững, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng và theo dõi các hoạt động bảo vệ môi trường hiệu quả. Các phương pháp KTMT cho phép một doanh nghiệp xác định được chi phí môi trường, xác định lợi ích thu được từ bảo vệ môi trường, cung cấp phương tiện đo lường tốt nhất bằng tiền tệ hoặc hiện vật và phương thức công bố thông tin. Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC, 2005) đưa ra khái niệm KTMT là một thuật ngữ rộng được sử dụng trong một bối cảnh kế toán khác nhau: Báo cáo và kế toán tài chính; Kế toán quản trị; Kế toán chi phí đầy đủ; Kế toán tài nguyên, báo cáo và kế toán quốc gia; kế toán bền vững. Theo Hiếu & Thái (2012), KTMT trong doanh nghiệp là một bộ phận cấu thành của kế toán liên quan đến các thông tin về hoạt động môi trường trong phạm vi doanh nghiệp nhằm thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin về môi trường cho các đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp sử dụng để ra quyết định. Thông qua các khái niệm có thể hiểu, KTMT là một bộ phận trong hệ thống kế toán nhằm ghi chép, tổng hợp và cung cấp cả thông tin kinh tế và môi trường thông qua khuôn khổ lý thuyết và các phương pháp kế toán.

Chi phí liên quan đến môi trường là một trong nhiều loại chi phí khác nhau doanh nghiệp phải ghi nhận khi sản xuất kinh doanh. Hiệu quả môi trường là một trong nhiều thước đo quan trọng của kinh doanh thành công. Do đó, các doanh nghiệp áp dụng KTMT sẽ đem lại một số lợi ích sau:

* Nhiều chi phí môi trường được giảm hoặc loại bỏ đáng kể do các quyết định kinh doanh từ những thay đổi trong vận hành, quản lý và đầu tư vào công nghệ xử lý “xanh” đến thiết kế lại quy trình sản xuất sản phẩm.

Nhiều chi phí môi trường (như lãng phí nguyên liệu thô) có thể mang lại giá trị gia tăng cho quy trình, hệ thống hoặc sản phẩm;

* Nhiều công ty phát hiện ra rằng chi phí môi trường có thể được bù đắp bằng cách tạo ra doanh thu thông qua việc bán chất thải như sản phẩm phụ hoặc trợ cấp ô nhiễm có thể chuyển nhượng hoặc cấp phép cho công nghệ sạch;

* Quản lý chi phí môi trường tốt hơn có thể cải thiện hiệu quả môi trường và mang lại lợi ích đáng kể cho sức khỏe con người cũng như thành công trong kinh doanh;

* Hiểu rõ chi phí môi trường và hiệu quả hoạt động của quy trình sản xuất sản phẩm (cung cấp dịch vụ) có thể thúc đẩy việc tính chi phí và định giá sản phẩm (dịch vụ) chính xác hơn. Đồng thời, có thể hỗ trợ các công ty thiết kế các quy trình sản xuất sản phẩm (cung cấp dịch vụ) thân thiện với môi trường hơn trong tương lai;

* Doanh nghiệp cung cấp sản phẩm hay dịch vụ thân thiện với môi trường sẽ có lợi thế cạnh tranh hơn các doanh nghiệp khác;

* Việc hạch toán chi phí và kết quả hoạt động môi trường có thể giúp doanh nghiệp phát triển và vận hành hệ thống quản lý môi trường, đặc biệt là doanh nghiệp tham gia vào thương mại quốc tế.

Theo một số các nghiên cứu, KTMT có thể được chia thành: Kế toán tài chính môi trường và Kế toán quản trị môi trường. Kế toán tài chính môi trường nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính và môi trường của doanh nghiệp cho đối tượng sử dụng bên ngoài doanh nghiệp dưới dạng Báo cáo tài chính. Kế toán tài chính môi trường được điều chỉnh một phần bởi các chuẩn mực kế toán do các cơ quan chuyên môn ban hành. Kế toán quản trị môi trường là quá trình xác định, thu thập và phân tích thông tin (tài chính và phi tài chính) phục vụ cho công tác quản trị nội bộ. Bởi mục đích chính của kế toán quản trị môi trường là giúp các nhà quản trị ra quyết định hướng tới tương lai của doanh nghiệp liên quan đến môi trường. Kế toán quản trị môi trường có thể liên quan đến dữ liệu về chi phí, mức độ sản xuất, hàng tồn kho và tồn đọng cũng như các khía cạnh quan trọng khác của doanh nghiệp. Kế toán tài chính chủ yếu xử lý dữ liệu tài chính định lượng, kế toán quản trị thì đề cập đến các dữ liệu định tính.

Đối tượng kế toán của kế toán tài chính môi trường gồm: tài sản môi trường, nợ phải trả môi trường, chi phí môi trường, thu nhập môi trường.

* Tài sản môi trường: Là chi phí môi trường được

vốn hóa do chúng đáp ứng các điều kiện ghi nhận là một tài sản bao gồm các tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình hoặc các tài sản ngắn hạn như thiết bị xử lý ô nhiễm, hạn ngạch về ô nhiễm...

* Nợ phải trả môi trường: Là các nghĩa vụ liên quan đến các chi phí môi trường mà doanh nghiệp phải gánh chịu và đáp ứng các điều kiện ghi nhận như một khoản nợ. Đối với những khoản nợ phải trả môi trường mà số tiền hoặc thời gian thanh toán chưa được xác định chính xác sẽ được ghi nhận là khoản dự phòng phải trả môi trường.

* Chi phí môi trường: Là các chi phí của các bước thực hiện, hoặc yêu cầu phải được thực hiện để quản lý các tác động môi trường của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm với môi trường và các chi phí khác theo các mục tiêu, yêu cầu về môi trường của doanh nghiệp. Các khoản chi phí môi trường được phân bổ cho các tài khoản chung sau đó tính toán và ghi nhận cho các đối tượng chịu chi phí riêng.

* Thu nhập môi trường: Là kết quả thu được từ quá trình thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp tạo ra như thu nhập từ bán phế liệu, phế phẩm còn giá trị sử dụng; doanh thu phát sinh từ bảo hiểm bồi hoàn cho các khiếu nại liên quan đến môi trường. Thu nhập môi trường phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ đó.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu khái quát về kế toán tài chính môi trường và phản ánh thực trạng kế toán tài chính môi trường tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính môi trường tại Việt Nam.

Bài viết sử dụng phương pháp thu thập thông tin thứ cấp gồm các báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong ngành khai thác khoáng sản, dầu khí, nhựa, bao bì, vật liệu xây dựng, thủy sản. Đồng thời, tác giả tham khảo thêm các tài liệu và một số công trình nghiên cứu khoa học trước về kế toán tài chính môi trường các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng quan nghiên cứu

Soa và cộng sự (2017, 2018) nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của KTMT. Nhóm tác giả nhận định các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam còn thiếu kiến thức và nhận thức về thực hành kế toán tài chính môi

trường. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các công ty chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin về KTMT như mong đợi của các bên liên quan.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa mức độ thực hành kế toán tài chính môi trường và rủi ro tài chính doanh nghiệp, Soa (2019) lựa chọn các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2013 đến 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa mức độ thực hành kế toán tài chính môi trường và rủi ro tài chính doanh nghiệp của năm hiện tại và các năm tiếp theo. Tác giả đề xuất các doanh nghiệp nên tăng cường thực hành kế toán tài chính môi trường để ngăn ngừa rủi ro tài chính nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh.

Hùng & Trung (2020) nghiên cứu về thực trạng và giải pháp kế toán tài chính môi trường tại các doanh nghiệp niêm yết. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, thu thập thông tin thứ cấp, phân tích và đánh giá với mẫu là các doanh nghiệp niêm yết có yếu tố sản xuất trên 2 sản chứng khoán Việt Nam, ngoại trừ các doanh nghiệp thương mại dịch vụ ít có tác động đến môi trường. Về tài sản môi trường, nhóm tác giả nhận thấy trên Báo cáo tài chính thì tài sản cố định hữu hình dùng cho hoạt động bảo vệ môi trường được xếp chung vào các tài sản dùng cho sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tài sản môi trường bao gồm các khoản ứng trả trước và các khoản ký quỹ ký cược dài hạn. Về nợ phải trả và dự phòng phải trả môi trường, chưa có sự thống nhất trong trình bày trích lập dự phòng ở các doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp trình bày dự phòng môi trường theo cách riêng của mình. Chi phí môi trường nếu có phát sinh được các doanh nghiệp ghi vào chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp nhưng chưa được ghi chép thành khoản mục riêng biệt. Giống như chi phí môi trường, nhóm tác giả thấy rằng thu nhập môi trường chưa được ghi nhận thành khoản mục riêng biệt mà được phản ánh chung với các khoản thu nhập khác.

Luận án tiến sĩ “Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định” của Tuyền (2020) nghiên cứu về KTMT và các nhân tố ảnh hưởng đến KTMT trong doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp chưa niêm yết, tác giả thấy rằng thông tin môi trường được xử lý giống như thông tin kế toán tài chính truyền thống khi đo lường theo các chuẩn mực kế toán, quy định hiện hành, chưa tách biệt giá trị hoặc phản ánh vào tài khoản riêng. Đối với doanh nghiệp niêm yết, chủ yếu ghi nhận thông tin tài chính môi trường về chi phí môi trường, nợ phải trả môi trường, tài sản môi trường. Việc xử lý, đo lường

thông tin cơ bản giống doanh nghiệp chưa niêm yết.

Hiền (2023) nghiên cứu về thực trạng KTMT trong các doanh nghiệp thủy sản tại Việt Nam. Tác giả cho rằng các doanh nghiệp thủy sản chưa niêm yết chủ yếu ghi nhận thông tin tài chính môi trường bao gồm: chi phí môi trường, nợ phải trả môi trường, tài sản môi trường và thu nhập môi trường. Chi phí môi trường được phản ánh vào các tài khoản chi tiết cấp 2, cấp 3 của các khoản chi phí chung, cụ thể: phí dịch vụ vệ sinh, phí khám sức khỏe định kỳ, phí khai thác tài nguyên nước (TK 6422), phí vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải, phí thực hiện báo cáo giám sát môi trường (TK 6273), phí bảo vệ môi trường (TK 6274, 6425)... Về tài sản môi trường chưa tách biệt giá trị và phản ánh chung vào các tài khoản chi tiết cấp hai như TK 2111, TK 1531, TK 244. Nợ phải trả môi trường là nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước như các khoản thuế bảo vệ môi trường, các khoản trích trước để mua sắm tài sản cố định bảo vệ môi trường, các khoản trích trước phí dịch vụ môi trường được trình bày trong mục Chi phí phải trả. Thu nhập môi trường được thể hiện trên báo cáo tài chính là các khoản viện trợ từ Chính phủ cho doanh nghiệp thủy sản, các khoản tiền liên quan đến việc bán chứng chỉ giảm phát thải.

5. Thực trạng kế toán tài chính môi trường tại Việt Nam

Hiện nay, việc áp dụng kế toán tài chính môi trường tại Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn. Kế toán tài chính môi trường chưa được quy định cụ thể trong một văn bản pháp lý nào mà việc thực hiện ghi nhận và xử lý thông tin liên quan đến môi trường vẫn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành như kế toán tài chính truyền thống. Do đó, chỉ có một số ít các doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài như Unilever Việt Nam, Pepsico Việt Nam, Samsung Việt Nam, Honda Trading Việt Nam... tổ chức KTMT riêng. Các doanh nghiệp này phải báo cáo những thông tin về môi trường cho các đối tượng sử dụng vì quy định của các quốc gia phải tổ chức KTMT.

Đối với tài sản môi trường, các doanh nghiệp trình bày trên báo cáo tài chính ở các tài khoản tài sản cố định hữu hình (Tài sản khai khoáng, Hệ thống xử lý nước thải chất thải, xử lý nước); tài sản cố định vô hình (Quyền khai thác mỏ, Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng); Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng; Chi phí bồi thường đất hoa màu; Chi phí xây dựng mỏ dở dang, chưa khai thác; Công trình xây dựng sửa chữa hệ thống xử lý nước thải, chất thải); Chi phí trả trước (Chi phí bồi

thường nông nghiệp, hoa màu; Chi phí mở đá chờ phân bổ, chi phí phục vụ khai thác mỏ); Ký quỹ, ký cược. Các thông tin về môi trường không được phân ánh riêng mà vẫn sử dụng các tài khoản tài sản dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và phân loại chi tiết theo các tài khoản cấp 2.

Đối với nợ phải trả môi trường, chủ yếu các doanh nghiệp phản ánh về các khoản thuế, phí bảo vệ môi trường. Ngoài ra, nợ phải trả môi trường còn được trình bày trên báo cáo tài chính thông qua các tài khoản Chi phí phải trả (Phải trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trích trước phí dịch vụ môi trường), Dự phòng phải trả (Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường, phục hồi môi trường và cấp quyền khai thác).

Đối với chi phí môi trường, hiện tại chưa có quy định về việc ghi nhận khoản mục chi phí môi trường riêng biệt. Do đó, các doanh nghiệp chủ yếu ghi nhận chi phí môi trường vào chi phí sản xuất chung hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Chi phí môi trường thông thường là Chi phí thuế và lệ phí tài nguyên môi trường; Chi phí thuế bảo vệ môi trường; Chi phí dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại môi trường; Chi phí khắc phục sự cố trong các vụ tai nạn, hủy hoại môi trường sống; Các khoản phạt liên quan đến môi trường.

Đối với thu nhập môi trường, các doanh nghiệp chưa ghi nhận tách biệt khoản mục này mà nó được phản ánh trên tài khoản thu nhập khác. Thu nhập môi trường gồm: Thu nhập từ việc bán phế liệu, phế phẩm; Thu từ bán điện, nước, cung cấp dịch vụ; Thu từ bán sản phẩm tái sản xuất chất thải, rác thải.

Trên thực tế, chi phí môi trường và thu nhập môi trường chưa được thể hiện riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh Báo cáo tài chính. Do đó, việc đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp chưa đầy đủ và chính xác. Bên cạnh đó, chi phí môi trường được tính vào chi phí sản xuất chung hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp khiến các nhà quản trị khó phát hiện quy mô và tính chất của chi phí môi trường để đưa ra các quyết định quản trị phù hợp.

6. Một số đề xuất

Ô nhiễm môi trường để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng (bão, lũ lụt, biến đổi khí hậu, suy giảm hoặc cạn kiệt nguồn tài nguyên) và ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Trong bối cảnh Việt Nam phát triển kinh tế xanh nâng cao năng lực bền vững, việc thực hiện kế toán tài chính môi trường nói riêng và KTMT nói chung cần phải có một lộ trình cụ thể với sự tham gia

của các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.

Về phía Nhà nước:

Thứ nhất, nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm thực hiện KTMT ở các quốc gia để hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan đến KTMT. Đồng thời, Chính phủ cần phối hợp với Hiệp hội nghề nghiệp để ban hành Chuẩn mực kế toán về KTMT phù hợp với thông lệ quốc tế và phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

Thứ hai, cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích của bảo vệ môi trường. Ví dụ như có chính sách trợ giá hoặc miễn giảm thuế đối với những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm “xanh” thân thiện với môi trường.

Thứ ba, cần có chính sách xử phạt nghiêm các hành vi gây hại đến môi trường đối với những doanh nghiệp vi phạm.

Về phía các doanh nghiệp: Thứ nhất, có ý thức và trách nhiệm xã hội đối với bảo vệ môi trường như nghiên cứu những sản phẩm thân thiện môi trường, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý rác thải và các chất thải công nghiệp. Khi đó, cải thiện hình ảnh và vị thế của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh và hiệu quả môi trường.

Thứ hai, học hỏi kinh nghiệm thực hiện KTMT ở các quốc gia và vận dụng vào đặc điểm của doanh nghiệp trong ghi nhận tài sản môi trường, nợ phải trả môi trường, chi phí môi trường, thu nhập môi trường.

Thứ ba, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ kế toán chuyên nghiệp về lĩnh vực môi trường.

Về phía cơ sở đào tạo: KTMT nói chung và kế toán tài chính môi trường nói riêng đối với các cơ sở đào tạo tại Việt Nam vẫn còn quá mới mẻ. Do đó, KTMT cần phải đưa vào giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nhằm cung cấp thị trường lao động đội ngũ kế toán chuyên nghiệp về KTMT. Các cơ sở đào tạo đẩy mạnh xây dựng các môn học như kế toán tài chính môi trường, kế toán quản trị môi trường trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán.

KTMT là lĩnh vực mới nhưng rất cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào muốn hợp lý hóa việc quản lý môi trường, cắt giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như hiệu quả môi trường. Nó mở ra một kỷ nguyên tối đa hóa lợi nhuận gắn liền với phát triển bền vững. Hoàn thiện kế toán tài chính môi trường nói riêng và KTMT nói chung thực hiện từng bước và có sự phối hợp của Nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Gauthier, Y., Leblanc, M., Farley, L. & Martel, L. (1997). *Introductory guide to environmental accounting*. KPMG, Montreal.
- Hiên, D. T., (2023). Thực trạng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp thủy sản tại Việt Nam. *Tạp chí Tài chính* kỳ 1 tháng 5/ 2023.
- Hiếu, P. Đ. & Thái, N. T. K. (2012). *Kế toán môi trường trong doanh nghiệp*, NXB Giáo dục, 2012.
- Moiescu, F. & Mihai O. (2006). Environmental Financial Accounting. The annals of “Dunărea de Jos” University of Galați. <https://core.ac.uk/download/pdf/6372422.pdf>.
- Hùng, N. K. & Trung, P. T. (2020). Kế toán tài chính môi trường tại các doanh nghiệp niêm yết: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán số* tháng 6, 2020, 26-29.
- Nguyen, L. S. (2019). Relationship between Environmental Financial Accounting practices and Corporate Financial Risk: Evidence from listed companies in Vietnam’s Securities Market. *Asian Economic and Financial Review*, Vol. 9, No. 2, 285-298.
- Soa, N. L, Dung, T. M., Hong, N.T.X . & Hoi, L. Q. (2017). Factors affecting disclosure levels of environmental accounting information: The case of Vietnam. *Accounting and Finance Research*, 6(4): 255. Available at: <https://doi.org/10.5430/afr.v6n4p255>;
- Soa, N. L, Dung, T. M., Hong, N.T.X . & Hoi, L. Q. (2018). Factors affecting disclosure levels of environmental accounting information: The case of Vietnam firms doing business under of the model parent company - subsidiary company In: *The 5th IBSM International Conference on Business, Management and Accounting 19-21 April 2018*. Hanoi University of Industry, Vietnam.
- Tuyển, N. T. K. (2020). *Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định*. Luận án tiến sĩ trường Học viện Tài chính;
- USEPA. (1995). *Environmental accounting case studies: Green accounting at AT&T*. Washington, D.C: United States Environmental Protection Agency.